

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG ĐỆM

ĐINH TRỌNG THU

Tóm tắt: Vườn quốc gia Xuân Sơn thuộc huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ có tổng diện tích 15.048 ha với 29 thôn thuộc vùng đệm. Để bảo vệ và phát huy có hiệu quả giá trị của rừng, Ban quản lý vườn quốc gia đã triển khai nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế vùng đệm, góp phần cải thiện sinh kế của người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cảnh quan nông thôn được đổi mới; nhiều địa phương vùng đệm đã đạt mục tiêu về xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu cho quản lý bền vững rừng, Vườn quốc gia Xuân Sơn cần có những giải pháp tổng thể trong quản lý kết hợp phát triển kinh tế vùng đệm. Qua phân tích thực trạng hoạt động sản xuất của dân cư vùng đệm và hoạt động quản lý Vườn quốc gia gắn với phát triển kinh tế vùng đệm, bài viết đã đề xuất một số giải pháp, trong đó tập trung vào các giải pháp phát triển sinh kế bền vững của cộng đồng dân cư vùng đệm; phát triển du lịch sinh thái bền vững; các giải pháp về huy động nguồn lực tài chính cho cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Từ khóa: tài nguyên rừng, vùng đệm, kinh tế vùng đệm, Vườn quốc gia Xuân Sơn

FOREST RESOURCE MANAGEMENT OF XUAN SON NATIONAL PARK ASSOCIATED WITH ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE BUFFER ZONE

Abstract: Xuan Son National Park in Tan Son district, Phu Tho province has a total area of 15.048 hectares with 29 villages in the buffer zone. To effectively protect and promote the value of forests, the National Park Management Board has implemented many programs and projects to develop the economy in the buffer zone, contributing to improving people's livelihoods and reducing the poverty rate, to renew the rural landscapes; many localities in the buffer zone have achieved their goals of constructing new rural areas. However, in order to achieve the goals for sustainable forest management, Xuan Son National Park needs comprehensive management solutions combined with economic development of the buffer zone. By analyzing production activities of people and management activities of the National Park Management Board associated with economic development in the buffer zone, this article proposes some solutions with solution focus on sustainable livelihood development for people in the buffer zone, sustainable ecotourism development, financial resource mobilization for the improvement of socio-economic facilities.

Keywords: forest resource, buffer zone, buffer zone economy, Xuan Son National Park

1. Đặt vấn đề

Vườn quốc gia (VQG) có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần cải thiện đời sống nhân dân vùng đệm, phát triển kinh tế - xã hội. VQG Xuân Sơn được thành lập theo Quyết định

49/2002/QĐ-TTg ngày 17/04/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Vườn có tổng diện tích 15.048 ha, thuộc huyện Tân Sơn và giáp ranh với huyện Đà Bắc tỉnh Hòa Bình, huyện Phù Yên tỉnh Sơn La.

VQG Xuân Sơn là khu giao lưu giữa hai vùng sinh thái Đông Bắc và Tây Bắc. Tại đây có 73% diện tích rừng tự nhiên, trong đó rừng giàu là 107 ha, rừng trên núi đá vôi là 1.396 ha. Hệ thực vật có tới 465 loài thực vật bậc cao thuộc 311 chi, 105 họ với nhiều loài quý hiếm. Về động vật, có 282 loài động vật có xương sống, trong đó có 23 loài lưỡng cư, 30 loài bò sát, 168 loài chim và 61 loài thú, trong đó có nhiều loài đặc biệt quý hiếm có tên trong sách Đỏ Việt Nam như gấu ngựa, hổ, vượn đen, báo hoa mai, voọc xám, hổ mang chúa... [1]. VQG được chia làm ba phân khu chức năng bao gồm: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 9.099 ha; phân khu phục hồi sinh thái có diện tích 5.737 ha và phân khu hành chính, dịch vụ có diện tích 212 ha. Đây là một trong những vùng có tính đa dạng sinh học cao nhất Việt Nam, đồng thời cũng là “kho tàng” thiên nhiên duy nhất có rừng nguyên sinh trên núi đá vôi.

Tại thời điểm khảo sát VQG Xuân Sơn có 29 thôn vùng đệm; tuy nhiên, do thực hiện quy định về sát nhập đơn vị hành chính cấp thôn, nên hiện nay Vườn quốc gia Xuân Sơn có 28 thôn vùng đệm, gồm 08 thôn vùng đệm trong và 20 thôn vùng đệm ngoài thuộc địa giới hành chính của 6 xã Xuân Sơn, Tân Sơn, Lai Đồng, Đồng Sơn, Kim Thượng và Xuân Đài, huyện Tân Sơn. Các thôn vùng đệm phân bố chủ yếu dưới chân các dãy núi đá vôi và núi đất, ở độ cao từ 200 - 400 m so với mực nước biển. Dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo khá cao, sinh kế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, lao động phổ thông chưa qua đào tạo... đây là những áp lực đối với công tác quản lý rừng bền vững VQG Xuân Sơn.

Trong những năm qua, các chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với xóa đói, giảm nghèo và phát triển sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số được Đảng, Nhà nước và các địa phương quan tâm. Theo đó, Ban Quản lý rừng và tỉnh

Phú Thọ đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án phát triển vùng đệm, như: hỗ trợ vật liệu, xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà văn hóa thôn, hệ thống điện) cho khu dân cư; hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái (tập huấn dân cư phát triển các homestay, các dịch vụ bán hàng du lịch...); thực hiện các dự án hỗ trợ sinh kế (phát triển nuôi lợn bản địa, gà bản địa, trồng bưởi Diễn...), thực hiện các chương trình khoán chăm sóc, bảo vệ rừng theo nhóm hộ hoặc cá nhân...

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, VQG đang gặp những khó khăn, hạn chế như: nguồn kinh phí (không có nguồn thu) để triển khai các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; tình trạng đất xen kẽ giữa khu dân cư và VQG gây khó khăn trong công tác quy hoạch, quản lý; lao động thiếu việc làm; sự phát triển của các hoạt động du lịch cũng tạo ra nhiều thách thức, một số trường hợp còn gây ra tác động tiêu cực đến cảnh quan sinh thái, giá trị văn hóa bản địa...

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ “**Điều tra, đánh giá kinh tế - xã hội của người dân sống ở khu vực vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên**”, bài báo phân tích thực trạng và những bất cập trong công tác quản lý tài nguyên rừng ở VQG Xuân Sơn gắn với phát triển kinh tế vùng đệm, trên cơ sở đó gợi mở một số khuyến nghị nhằm quản lý hiệu quả, đảm bảo thu nhập của người dân trong vùng.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo khai thác các số liệu hiện trạng công tác quản lý tài nguyên rừng được theo dõi, tổng kết bởi Ban quản lý VQG Xuân Sơn; các số liệu về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc vùng đệm, kết hợp số liệu được thu thập từ khảo sát thực địa.

Ngoài ra, các văn bản của Chính phủ, các ngành nông, lâm nghiệp của địa phương liên quan; các bài báo đăng trên các tạp chí, các báo

cáo, nghiên cứu liên quan đến VQG Xuân Sơn cũng được khai thác, sử dụng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp: từ các dữ liệu được khai thác, bài viết tiến hành tổng hợp, phân tích về các mối liên hệ giữa công tác quản lý tài nguyên rừng VQG Xuân Sơn với phát triển kinh tế xã hội vùng đệm trên các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường.

Phương pháp khảo sát thực địa: tìm hiểu, thu thập thêm một số dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội các địa phương vùng đệm; tiến hành phỏng vấn sâu một số lãnh đạo Ban quản lý VQG Xuân Sơn; lãnh đạo chính quyền các địa phương vùng đệm và một số người dân địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm dân cư vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Sơn

Vùng đệm VQG Xuân Sơn có mật độ dân số và mức sống trung bình thấp, tỷ lệ hộ nghèo khá cao và sinh kế chủ yếu dựa vào canh tác nông nghiệp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế; lực lượng lao động khá dồi dào nhưng chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo.

Theo kết quả thống kê (tháng 6/2022), tổng số nhân khẩu 6 xã vùng đệm là 25.609 người với 5.936 hộ sống trong 29 thôn (có 09 thôn thuộc vùng đệm trong và 20 thôn thuộc vùng đệm ngoài). Trong đó, dân số các thôn thuộc vùng đệm ngoài có 14.309 người với 3.010 hộ; dân số các thôn thuộc vùng đệm trong là 3.534 người với 699 hộ; tổng số lao động có 15.076 người, chiếm 48,9% tổng dân số trong 6 xã vùng đệm; lao động nam chiếm 49,6%, lao động nữ chiếm 50,4%.

Vùng đệm VQG Xuân Sơn có 3 dân tộc đang sinh sống: dân tộc Mường chiếm 79,8%; dân tộc Dao chiếm 17,6%; dân tộc Kinh chiếm 2,6%.

Người Mường sống thành từng xóm riêng biệt tại các xóm Lấp, Lạng và Thang, một số ít sinh sống trong xóm Dù. Trong sản xuất, người Mường vẫn giữ được tính cộng đồng, họ thường

hỗ trợ lẫn nhau trong các công việc như làm ruộng, sản xuất nông, lâm nghiệp. Người Mường có truyền thống làm ruộng nước lâu đời, vì vậy ruộng nước của họ thường rất ổn định và bền vững.

Dân tộc Dao phân bố ở các xóm Dù, Cỏi, Tân Minh, Hạ Bằng và Thân. Người Dao còn giữ được nhiều phong tục tập quán và truyền thống đặc trưng, là nguồn tài nguyên nhân văn quý giá còn lưu giữ lại được ở nơi đây.

Thu nhập bình quân trên đầu người trong khu vực vùng đệm VQG khoảng 18 - 28 triệu đồng/người/năm. Nguồn thu nhập chính của người dân trong khu vực chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và các hoạt động liên quan đến sản xuất lâm nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo của 6 xã thuộc VQG Xuân Sơn là 19,5%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng đệm trong (23,8%) cao hơn ở vùng đệm ngoài của VQG. Đây là thách thức cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững VQG Xuân Sơn giai đoạn tới khi người dân các xã vùng lõi vẫn sinh sống và canh tác xen kẽ trong ranh giới quy hoạch của Vườn và áp lực lên tài nguyên rừng vẫn khá lớn.

3.2. Hoạt động sản xuất của dân cư vùng đệm

Tổng diện tích canh tác nông nghiệp bình quân theo hộ của 6 xã là 0,33 ha, trong đó: xã Lai Đồng có diện tích bình quân theo hộ cao nhất là 0,51 ha/hộ; xã Xuân Đài thấp nhất là 0,24 ha/hộ. Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là lúa nước, khoai, sắn, một số sản phẩm cây trồng phục vụ cho chăn nuôi. Phần lớn nguồn nước tưới phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên những tháng mùa khô thường xảy ra thiếu nước, nhiều khu vực chỉ canh tác 1 vụ. Diện tích khoai, sắn canh tác ở các sườn đồi, nơi đất ít dốc và hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên năng suất và sản lượng chưa cao. Các loại cây trồng khác như ngô, đậu đỗ các loại... được trồng ở những khu đất cao, bằng phẳng không đủ điều kiện để làm ruộng nước.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong dân cư với hình thức nhỏ lẻ theo hộ gia đình. Một số nơi, người dân còn duy trì phong tục chăn thả tự do vào rừng, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng non mới trồng.

Các cây trồng lâm nghiệp chủ yếu trên địa bàn gồm keo tai tượng, mỡ, bồ đề, trầu... Ngoài ra, do nhu cầu của thị trường và giá trị kinh tế cao hơn các cây trồng lâm nghiệp khác nên người dân đã quan tâm phát triển, mở rộng diện tích trồng cây quế. Việc phát triển sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn đã mang lại hiệu quả kinh tế giúp người dân xóa đói, giảm nghèo và vươn lên thoát nghèo.

Hoạt động du lịch và dịch vụ: du lịch sinh thái là thế mạnh của khu vực VQG Xuân Sơn, mang lại thu nhập đáng kể cho nhân dân trong vùng. Các loại hình du lịch chính gồm du lịch sinh thái, du lịch thăm quan nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, khám phá rừng, núi, hang động, nghiên cứu... Số lượng khách du lịch đến địa bàn chưa nhiều và mang tính chất mùa vụ cao, tập trung vào các tháng mùa hè. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là bán lẻ hàng hóa tiêu dùng thiết yếu hàng ngày và cung cấp lưu trú bằng hình thức homestay cho khách đến tham quan du lịch. Các hoạt động dịch vụ du lịch phát triển và tập trung ở xã Xuân Sơn, các địa phương khác chưa phát triển.

3.3. Hoạt động quản lý VQG gắn với phát triển kinh tế vùng đệm

Những năm qua, công tác quản lý, bảo vệ rừng của Ban quản lý VQG Xuân Sơn luôn được thực hiện hiệu quả và nghiêm ngặt nhờ sự vào cuộc tích cực của đồng bào Dao, Mường cùng các dân tộc khác sống trong khu vực đệm đặc biệt là vùng lõi VQG. Trong đó, có 9 bản có người dân sinh sống trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Vườn quốc gia với 630 hộ và hơn 3.000 nhân khẩu; hầu hết các hộ đều thuộc diện hộ nghèo (chiếm 92%) [5], sống dựa vào canh tác nông nghiệp và khai thác lâm sản phụ

từ rừng. Đây là một thách thức đối với Ban quản lý Vườn quốc gia và chính quyền địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

Để bảo vệ và phát huy có hiệu quả giá trị của VQG Xuân Sơn thì sự tham gia chung sức của các cộng đồng vùng đệm có vai trò rất quan trọng và việc giải quyết hài hòa quyền lợi, lợi ích giữa người dân với Nhà nước trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Trong những năm vừa qua, Ban quản lý VQG đã tăng cường các hoạt động phối hợp với chính quyền địa phương và nhân dân vùng đệm trong công tác quản lý VQG và phát triển kinh tế vùng đệm bằng việc thực hiện các hoạt động cụ thể, như: đổi mới nội dung và hình thức công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị và nhiệm vụ bảo vệ đa dạng sinh học VQG; xây dựng và đề xuất các cơ chế hỗ trợ khuyến khích người dân trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát triển khu bảo tồn; cung cấp kiến thức và tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng; triển khai các dự án phát triển kinh tế - dịch vụ cho người dân vùng đệm ổn định và nâng cao đời sống, giảm sự phụ thuộc vào việc khai thác tự nhiên và thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, Ban quản lý VQG Xuân Sơn còn phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Lâm nghiệp, những quy định của Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, vận động người dân tích cực phát giác các hành vi vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Các hình thức tuyên truyền được thực hiện thông qua các buổi họp thôn bản; phát tờ rơi; phát trên loa truyền thanh xã. Đặc biệt, việc tuyên truyền trực tiếp đến từng hộ gia đình bằng cả tiếng phổ thông và tiếng của đồng bào dân tộc đã thực sự phát huy hiệu quả. Cùng với đó, Ban quản lý VQG đã thường xuyên phối hợp với các trường tiểu học, THCS, THPT quanh địa bàn tổ chức

các buổi học, lồng ghép viết kịch bản về giá trị quan trọng của rừng, cách bảo vệ rừng qua các cuộc thi, tổ chức cuộc thi vẽ tranh với chủ đề “Em yêu rừng quê em”... từ đó giúp các em học sinh nhận thức về bảo vệ rừng, phù hợp với mọi lứa tuổi; phối hợp với Hội nông dân các xã tổ chức hưởng ứng chương trình “Trồng mới 5 triệu ha rừng”...

Liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế vùng đệm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020 với 2 nội dung đầu tư là: hỗ trợ công tác bảo vệ rừng tự nhiên và hỗ trợ phát triển cộng đồng vùng đệm. Mục đích chính của Quyết định là phát huy tối đa công tác quản lý bảo vệ rừng thông qua hỗ trợ kinh phí cho công tác tham gia bảo vệ rừng và hỗ trợ đầu tư phát triển đời sống, sinh hoạt văn hóa, kinh tế xã hội của cộng đồng vùng đệm các khu rừng đặc dụng. Từ đó tạo thêm công ăn việc làm cho người dân, giảm được sức ép vào rừng đưa tới kết quả bảo vệ rừng một cách bền vững.

Năm 2013, VQG Xuân Sơn phối hợp với chính quyền địa phương các xã vùng đệm tổ chức triển khai thực hiện theo tinh thần của Quyết định 24/2012/QĐ-TTg. Thời gian thực hiện giai đoạn 1 là 5 năm, từ năm 2013 - 2018, với hai nội dung hỗ trợ là: hỗ trợ công tác khoán bảo vệ rừng tự nhiên theo định mức 100 nghìn đồng/ha cho 7.084 lượt hộ tham gia với diện tích 58.800 lượt ha. Hỗ trợ 40 triệu đồng phát triển cộng đồng vùng đệm cho 29 thôn với các nội dung nhằm phát triển đời sống - sinh hoạt văn hóa, thể thao, kinh tế - xã hội cho người dân cụ thể như hỗ trợ trang thiết bị - thông tin liên lạc cho 27 thôn; hỗ trợ xây mới, làm mái - trần, lát nền, làm sân, xây tường rào nhà văn hóa cho các thôn vùng đệm; hỗ trợ làm đường giao thông nội thôn cho 27 thôn, làm mương nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 7 thôn, lắp đặt ống nước

phục vụ sinh hoạt cho 3 thôn, hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển sản xuất từ cây - con giống cho 21 thôn [7]. Việc giao khoán rừng không chỉ giúp người dân có thêm thu nhập mà còn gắn quyền lợi với trách nhiệm của các hộ dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng nơi đây.

Thông qua hỗ trợ phát triển kinh tế từ cây ăn quả có múi và cây rừng cho trên 300 hộ dân với tổng cộng trên 9.000 cây các loại, hỗ trợ con giống cho trên 800 hộ dân với tổng cộng trên 3.000 con giống các loại, làm mới trên 8.000 m đường bê tông, đưa điện lưới về đến 02 thôn khó khăn và điện thấp sáng phục vụ đường thôn cho 12 thôn với tổng số trên 16.000 m. Bên cạnh đó đã xây mới và sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa cho các thôn, mua sắm máy phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 04 thôn, lắp đặt hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt và hệ thống mương, ống dẫn nước vào đồng ruộng cho 13 thôn với tổng chiều dài lên đến trên 10.000 m [8].

Các chương trình đã giúp nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nhân dân vùng đệm. Song song với hiệu quả đó là một số thôn, xã đã vượt chỉ tiêu về thời gian trong phong trào xây dựng nông thôn mới, như thôn Vượng xã Xuân Đài, thôn Xuân 2 xã Kim Thượng, thôn Thính xã Tân Sơn...

Năm 2007, được sự quan tâm của UBND tỉnh Phú Thọ kết hợp với Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch đã xây dựng và triển khai thực hiện dự án “Cải thiện đời sống của người dân trong và ngoài Vườn quốc gia Xuân Sơn góp phần quản lý rừng bền vững” gọi tắt là dự án DANIDA – Vườn quốc gia Xuân Sơn. Dự án được thực hiện trong 3 xã Xuân Đài, Xuân Sơn, Minh Đài huyện Tân Sơn, với quan điểm tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương sống trong vùng đệm VQG Xuân Sơn để cùng thực hiện tốt mục tiêu quản lý rừng bền vững. Để hạn chế những tồn tại từ những dự án đã thực hiện, Ban quản lý dự án

VQG Xuân Sơn đã tiến hành khảo sát nhu cầu thực tế của người dân địa phương về phát triển kinh tế và đã xây dựng các mô hình thí điểm phát triển kinh tế hộ, mô hình kinh tế hộ và nhóm hộ (4 mô hình), mô hình nông lâm kết hợp (4 mô hình), mô hình canh tác trên đất dốc (4 mô hình), mô hình chăn nuôi, mô hình Lâm sản ngoài gỗ (6 mô hình), mô hình quản lý rừng cộng đồng thôn bản (4 mô hình), mô hình bếp lâm nghiệm (bếp cải tiến 150 bếp) [5].

Trong quá trình triển khai thực hiện đã có 200 hộ gia đình được nhận hỗ trợ từ dự án. Ngoài việc hỗ trợ về kinh phí dự án đã tổ chức 20 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ địa phương và người dân trong xã về kỹ thuật và công nghệ xây dựng mô hình với hơn 800 lượt người tham gia [5] và các cuộc hội thảo, thảo luận đầu bờ. Các mô hình chăn nuôi dê, lợn rừng lai, rau sạch và mô hình sản xuất cây giống bản địa phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, trình độ canh tác của đồng bào địa phương, nhiều mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình chăn nuôi gà nhiều cựa, mô hình chăn nuôi lợn rừng đã và đang được triển khai nhân rộng.

Thông qua các mô hình canh tác đã làm thay đổi nhận thức, tập quán cho cộng đồng địa phương, giải quyết được việc làm cho hàng trăm lao động nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình, đưa người nông dân tiếp cận với các phương thức canh tác tiên tiến hơn và tạo ra sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Việc triển khai các chương trình phát triển vùng đệm VQG với những kết quả đạt được cho thấy kinh tế - xã hội vùng đệm được cải thiện rõ rệt, góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc xây dựng tiêu chí nông thôn mới, đặc biệt rừng được bảo vệ tốt, nâng độ che phủ rừng từ 76% (2013) lên 86% (2018), rừng được tăng lên cả về chất lượng và số lượng [7].

Thực hiện chủ trương phát triển du lịch sinh thái VQG Xuân Sơn và đề án “Phát triển kinh tế

phục vụ du lịch” của UBND huyện Tân Sơn, Ban quản lý VQG đã triển khai một số dự án bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm, đặc sản ở VQG Xuân Sơn như: cây rau sắng, cây kim giao, chuỗi cô đơn, chè Shan...; mô hình chăn nuôi lợn rừng lai, gà nhiều cựa, cá hồi... Lập kế hoạch và triển khai dự án làm đường giao thông đi các bản: Lấp, Còi, Lạng phục vụ du lịch sinh thái và khám phá các hang, động VQG Xuân Sơn.

Có thể thấy, sau khi Nghị quyết số 24/2012/QĐ-TTg ra đời, VQG Xuân Sơn đã nhận được sự quan tâm nhiều hơn trong công tác bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm. Đồng thời, phát triển kinh tế, xã hội vùng đệm đã có nhiều đổi thay; tỷ lệ hộ nghèo các xã vùng lõi đã giảm mạnh từ trên 90% năm 2012 xuống còn 23,8% năm 2022 (theo tiêu chí mới) [6].

3.4. Một số khó khăn, hạn chế

Mặc dù đã đạt được nhiều thành công nhưng công tác quản lý rừng VQG Xuân Sơn gắn với phát triển kinh tế vùng đệm còn nhiều bất cập, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn đầu tư cho quản lý VQG chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước nên tổng mức vốn đầu tư còn thấp, suất đầu tư cho từng đơn vị diện tích rừng còn hạn chế, phân bổ vốn chưa tập trung. Hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông, cơ sở lưu trú phục vụ du lịch, cấp thoát nước, xử lý chất thải chưa được phát triển tương xứng với vị trí của Vườn quốc gia.

- Tình trạng thiếu đất sản xuất, lao động thiếu việc làm, thu nhập của người dân thấp và không ổn định, nhận thức của cộng đồng dân cư vùng đệm còn nhiều hạn chế nên tình trạng chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã, khai thác lâm sản trái phép vẫn xảy ra, có nguy cơ làm suy giảm nghiêm trọng đa dạng sinh học, tạo áp lực lớn đối với công tác bảo vệ tài nguyên VQG.

- Hoạt động du lịch, mặc dù chủ yếu hoạt động trong các tháng mùa hè, nhưng do chưa có

kế hoạch quản lý nên gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái của VQG. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, hoạt động đi lại của khách du lịch làm thay đổi địa hình, tính chất đất. Việc thải rác không đúng nơi quy định, rác thải không được thu gom xử lý kịp thời gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước trong khu vực, là nguồn gốc phát sinh một số căn bệnh cho các loài động thực vật, gây mất cảnh quan môi trường.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước, Ban quản lý VQG Xuân Sơn đã triển khai có hiệu quả chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng thông qua việc ký cam kết bảo vệ rừng cộng đồng với các thôn vùng đệm, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng, hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất về cây và con giống, hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Từ những việc làm trên đã tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa VQG Xuân Sơn với chính quyền địa phương và tạo được sự đồng thuận của người dân vùng đệm trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Từ đó, đã gắn quyền lợi, trách nhiệm của cộng đồng với nhiệm vụ bảo vệ rừng. Đây là tiền đề cho việc thực hiện các mục tiêu góp phần quản lý bền vững VQG Xuân Sơn.

Những kết quả đạt được đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân địa phương, thúc đẩy phát triển sản xuất, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, chung tay cùng địa phương xây dựng nông thôn mới. Tuy vậy, công tác quản lý rừng VQG gắn với phát triển kinh tế xã hội vùng đệm vẫn còn những bất cập, những hạn chế cần có những giải pháp để tháo gỡ.

4.2. Một số khuyến nghị

Ban quản lý VQG cần phối hợp với chính quyền địa phương vùng đệm trong

việc định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp sau:

- *Cải thiện sinh kế, tập trung giảm nghèo nâng cao thu nhập cho nhóm hộ nghèo và cận nghèo là giải pháp cơ bản, căn cơ, hiệu quả để bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển kinh tế - xã hội.*

Thực hiện cấp đất canh tác cho những hộ nghèo và cận nghèo chưa có đất; ưu tiên các hộ có nguồn lực về lao động để sản xuất nông nghiệp; các tổ chức chính trị xã hội có các biện pháp giúp người dân kiểm soát tình hình đất đai được cấp và tiền vốn vay.

Triển khai thực hiện tốt công tác giao rừng, cho thuê rừng; hướng dẫn thực hiện việc cho thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển du lịch. Thực hiện tốt công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân sống gần rừng, nhằm huy động nhân dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

Phát triển các dự án phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua xây dựng các mô hình phát triển các cây, con đặc sản phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu địa phương; đồng thời tập huấn, thực hiện các chương trình khuyến nông, khuyến lâm chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho người dân.

- *Giải pháp đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người dân vùng đệm:*

Phối hợp với các trung tâm đào tạo nghề và các khu công nghiệp đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người dân vùng đệm (đặc biệt là tầng lớp thanh niên) vào làm việc trong các khu công nghiệp tại địa phương, thu hút lượng lao động dư thừa nhằm giảm áp lực đối với tài nguyên ở VQG.

Ngoài ra, các giải pháp huy động các nguồn lực của các doanh nghiệp và thúc đẩy hợp tác quốc tế để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng gắn với phát triển kinh tế vùng đệm VQG cần được quan tâm thực hiện.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển du lịch, như: khuyến khích, hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch (về đất đai, thuế, tín dụng...); hỗ trợ phát triển các khu, điểm du lịch; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; hỗ trợ các cơ sở sản xuất đặc sản đặc trưng của địa phương, sản phẩm quà tặng lưu niệm; có cơ chế khuyến khích các đơn vị lữ hành thường xuyên đưa lượng lớn khách du lịch đến tham quan VQG... hỗ trợ phát triển thị trường các sản phẩm đặc trưng, các đặc sản nông nghiệp của các địa phương vùng đệm...

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị và nhiệm vụ

bảo vệ đa dạng sinh học của Vườn quốc gia; các kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội...

Xây dựng Quy chế phối hợp giữa các ban quản lý rừng với kiểm lâm, chính quyền, cộng đồng dân cư và các bên liên quan, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tại địa phương, cơ sở; các giải pháp phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan trong việc quản lý và bảo vệ rừng VQG.

Nâng cao vai trò của cộng đồng, thực hiện mô hình đồng quản lý rừng, trong đó Nhà nước (chủ rừng) chia sẻ quyền, lợi ích và nghĩa vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng với cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương (xã, thôn) ở các mức độ khác nhau.

Bài báo là sản phẩm của nhiệm vụ cấp Bộ “Điều tra, đánh giá kinh tế - xã hội của người dân sống ở khu vực vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên”, mã số: 44/HĐ-LHHVN, ngày 22/6/2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bạch Thái Toàn (2006), *Bảo tồn đa dạng sinh học Vườn quốc gia Xuân Sơn*, <https://baophutho.vn...> truy cập 19/10/2023.
2. Ban chấp hành Đảng bộ xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ (2018), *Lịch sử Đảng bộ xã Xuân Đài (1948 - 2015)*.
3. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Mô hình gắn bảo vệ rừng với phát triển du lịch ở Xuân Sơn*, <https://dangcongsan.vn...> truy cập 14/10/2023.
4. Chi cục thống kê Khu vực Thanh Sơn - Tân Sơn (2022), *Niên giám thống kê huyện Tân Sơn năm 2021*, Cục thống kê tỉnh Phú Thọ.
5. Đinh Tấn Quyền (2017), *Dự án DANIDA VQG Xuân Sơn giải pháp cho quản lý rừng bền vững*, <https://vuonquocgiaxuanson.com.vn...> truy cập 15/10/2023.
6. Hồng Nhung (2023), *Xuân Sơn giải quyết việc làm để giảm nghèo bền vững*, <https://baophutho.vn...> truy cập 04/12/2023.
7. Nguyễn Thị Huệ (2018), *Bảo vệ rừng bền vững thông qua mô hình phát triển kinh tế hộ tại VQG Xuân Sơn*; <https://vuonquocgiaxuanson.com.vn...> truy cập 15/10/2023.
8. Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giúp nhiều xã, thôn vượt lên đi đầu trong phong trào xây dựng nông thôn mới.
9. Vườn quốc gia Xuân Sơn (2023), *Phương án Quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2023 - 2030*.
10. Vườn quốc gia Xuân Sơn (2023), *Đề án “Phát triển bền vững du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2021 - 2030”*.

Thông tin tác giả:

Đinh Trọng Thu - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ liên hệ: số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: dingtrongthu2003@gmail.com; ĐT: 097.373.0896

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 04/12/2023
Biên tập: 12/2023